TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **01**/2020/DS-PT
Ngày: 02/01/2020
V/v: yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Cùng các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy
Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 27/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 311/2019/QĐ-PT ngày 06/12/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1932
2. Bà Trần Thị V, sinh năm 1956
3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1961
4. Anh Trần Thanh Gi, sinh năm 1995 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BĐ, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1: Bà Trần Thị M, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BĐ, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2018, ngày 17/7/2018, ngày 23/7/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Nguyễn Văn Th – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1966 (vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BĐ, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre .

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981(vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1986 (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị V, anh Trần Thanh Gi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là anh Trần Thanh Gi và bà Trần Thị M đại diện trình bày: Gia đình bà Đ đang ở trên thửa đất số 1474, 1475 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp BĐ, xã CS, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Thửa đất này bị vây bọc bởi các thửa đất khác, để đi ra lộ công cộng thì phải đi qua thửa đất số 1505, tờ bản đồ số 1 của hộ ông Nguyễn Văn Ph. Ngày 29/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm vụ án "tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa hộ bà Đ với hộ ông Ph, bác yêu cầu của bà Đ về việc tranh chấp 41,3m^2 đất Thộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 1, đồng thời đình chỉ đối với rút yêu cầu tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề của hộ bà Đ. Sau đó, ông Ph làm hàng rào kẽm gai và xây gạch ở cạnh giáp với phần đất liền kề mà hộ bà Đ đang sử dụng nên hộ bà Đ không thể đi trên lối đi. Các nguyên đơn yêu cầu gia đình ông Ph phải tháo dỡ hàng rào, dời tường gạch và một phần nhà tiền chế để mở cho nguyên đơn lối đi có chiều rộng 2,0m, chiều dài một cạnh là 20,57m và một cạnh là 20,77m Thộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp BĐ, xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Từ năm 2011 hộ bà Đ và ông Ph đã tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất mà hiện nay bà Đ yêu cầu mở lối đi. Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre công nhận cho hộ ông Ph được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là 41,3m^2 nên các con của ông đã cất nhà để ở. Hộ bà Đ có thể đi qua đất của ông Lố, ông Châu, bà Huỳnh, ông Phước, ông Đức để ra lộ công cộng nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 56/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự; Điều 5, 147, 157, 165, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc Sinh, anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Thanh Th phải mở cho nguyên đơn lối đi có chiều rộng 2,0m, chiều dài một cạnh là 20,57m và một cạnh là 20,77m Thộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp BĐ, xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[2] Về chi phí tố tụng là 1.200.000 đồng, nguyên đơn chịu, đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2019 các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữa yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Lối đi tranh chấp đã có trên 30 năm, có trước khi hộ ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng lối đi thì gia đình bà Đ có đổ xi măng nhưng ông Ph không phản đối. Năm 2011 ông Ph yêu cầu hộ bà Ph thanh toán tiền giá trị đất nhưng gia đình bà Ph không có tiền nên ông Ph đã xây tường bít lối đi. Trước đây, do không hiểu biết nên hộ bà Đ khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, rút yêu cầu khởi kiện lối đi. Các chủ sử dụng đất liền kề đều không đồng ý cho gia đình bà Đ đi qua đất, các lối đi khác có nhiều kênh rạch, đi lại khó khăn. Ủy ban nhân dân xã CS đã xác nhận không thể khôi phục con kênh thoát nước để làm lối đi công cộng được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, buộc hộ ông Ph mở lối đi theo yêu cầu của bà Đ, phía bà Đ đồng ý với biên bản định giá để làm cơ sở cho Tòa án giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét thấy:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, về thẩm quyền, về thời hiệu, về xét xử vắng mặt, hòa giải vắng mặt các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Tại tòa phúc thẩm, mặc dù bị đơn ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc Sinh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Thanh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph, bà Sinh, anh B, anh T2 và chị Th là phù hợp theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1 và anh Trần Thanh Gi có nhà ở và phần đất Thộc thửa 1474 và 1475. Phần đất của các nguyên đơn nằm trong thửa đất 1505 của ông Nguyễn Văn Ph. Các nguyên đơn cho rằng đã sử dụng lối đi trên đất của hộ ông Ph để ra đường công cộng, lối đi này có trên 30 năm, có trước khi ông Ph được cấp quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng lối đi bên nguyên đơn có đổ xi măng nhưng phía ông Ph cũng không phản đối. Cho đến năm 2011 ông Ph yêu cầu phía nguyên đơn thanh toán giá trị đất nhưng gia đình của nguyên đơn không có tiền nên ông Ph đã xây tường bít lối đi. Do trước đây gia đình không hiểu biết nên đã khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Ph, rút yêu cầu khởi kiện lối đi, nên sau đó gia đình nguyên đơn không có lối đi. Phía bị đơn ông Ph, bà Sinh và các con của ông Ph trình bày từ năm 2011 gia đình bà Đ (phía nguyên đơn) và gia đình ông đã tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất mà hiện nay gia đình bà Đ yêu cầu mở lối đi. Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre công nhận cho hộ gia đình ông được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp, nên các con của ông đã cất nhà để ở. Hộ bà Đ có thể đi qua đất của ông Lố, ông Châu, bà Huỳnh, ông Phước, ông Đức để ra lộ công cộng, bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Hộ bà Đ đang sử dụng thửa đất số 1474 và 1475, hai thửa đất này bị bao bọc bởi các bất động sản liền kề. Để ra lộ công cộng thì hộ bà Đ phải sử dụng lối đi qua phần đất của chủ sử dụng khác. Theo kết quả đo đạc lập ngày 04/01/2013 và trích lục bản đồ địa chính lập ngày 19/8/2014 thì phần đất của hộ bà Đ và phần đất của hộ ông Ph cách nhau một con kênh. Tuy nhiên, hiện nay con kênh không còn

mà chỉ còn đường thoát nước của các hộ dân có chiều rộng khoảng 0,5m. Các hộ dân công cộng không hợp tác chỉ ranh nên không xác định được vị trí con kênh. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cũng không thể hiện nội dung phần đất công cộng có thể sử dụng làm lối đi. Qua quá trình xác minh tại cấp sơ thẩm, khi gia đình ông Ph rào lối đi thì các nguyên đơn đi nhờ qua đất ông Đức chứ chưa từng sử dụng phần đất con kênh để ra lộ công cộng. Do đó, việc cấp sơ thẩm cho rằng gia đình bà Đ có thể sử dụng phần đất con kênh để ra lộ công cộng là không có cơ sở vững chắc. Ngoài lối đi tạm thời qua đất ông Đức thì còn phần đất trống không rõ chủ sử dụng và phần đất trống của ông Trần Văn Hai. Tuy nhiên, phần đất trống có chiều ngang nhỏ hơn nhiều so với phần đất ông Ph đang quản lý, sử dụng.

Năm 2012 giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất đang yêu cầu mở lối đi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ đã rút yêu cầu tranh chấp lối đi, chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Bản chất của quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất nhằm mục đích là để mở lối đi. Như vậy, nếu xác định phần đất tranh chấp Thộc quyền sử dụng của bà Đ như Bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 07/3/2018 tuyên thì nhu cầu về lối đi của gia đình bà Đ đã được giải quyết. Tuy nhiên, Bản án phúc thẩm số 167/2018/DS-PT ngày 29/5/2018 đã sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của hộ bà Đ. Như vậy, khi bà Đ khởi kiện tranh chấp lối đi với ông Ph mà bản án sơ thẩm cho rằng bà Đ không có nhu cầu về lối đi qua đất ông Ph nên mới rút yêu cầu tranh chấp lối đi là không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà Đ. Theo xác nhận của các nhân chứng là những người lớn tuổi sinh sống lâu năm tại địa Ph như ông Huỳnh Văn Bé, ông Trần Văn Châu, bà Nguyễn Thị Lành, ông Đinh Văn Chính thì hộ bà Đ đã sử dụng lối đi tranh chấp từ trước năm 1975 cho đến năm 2011.

[4] Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năn 2015 quy định "Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ...Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là Thận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi...". Xét thấy, như đã phân tích nêu trên thì lối đi này đã có từ trước và theo quy định của pháp luật thì gia đình ông Ph phải tạo lối đi hợp lý cho nguyên đơn. Riêng lối đi mà bị đơn trình bày cũng chỉ là lối đi tạm, chủ sử dụng đất chỉ cho nguyên đơn đi tạm, không đồng ý cho nguyên đi nhờ nên Tòa án không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định gia đình bà Đ có nhu cầu về lối đi và mở lối đi qua phần đất Thộc quyền sử dụng của ông Ph là Thận tiện và hợp lý nhất nên kháng cáo của các nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn không phối hợp trong việc đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi cũng là phần đất mà nguyên đơn và bị đơn tranh chấp vào năm 2012 nên sử dụng kết quả đo đạc ngày 04/01/2013 để mở lối đi cho hộ bà Đ.

Theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 04/01/2013 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Mỏ Cày Nam thì phần lối đi tranh chấp để mở lối đi có diện tích là 41,3m2; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019 thì trên phần đất hộ bà Đ yêu cầu mở lối đi có các tài sản sau: Tường rào trụ bê tông, cốt thép, xây gạch dày 100mm, chiều ngang 02m, chiều cao 02m, 01 cây dừa loại 1; Biên bản định giá tài sản ngày 23/5/2019 thì giá trị đất 1m2 là 4.000.000 đồng, tường rào trị giá 1.480.000 đồng, 01 cây dừa trị giá 1.500.000 đồng.

Do nguyên đơn sử dụng hạn chế phần đất Thộc thửa 1505 của bị đơn làm lối đi và trong suốt quá trình sử dụng bị đơn sẽ không sử dụng phần đất có lối đi để làm kinh tế nên sẽ gây thiệt hại cho bị đơn và theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 "Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa Thận khác" nên cần buộc nguyên đơn phải đền bù thiệt hại cho bị đơn đối với phần đất được mở lối đi tương đương ½ giá trị quyền sử dụng đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định là (4.000.000đ/m^2 x 41,3m^2) x ½ = 82.600.000 đồng, đồng thời nguyên đơn phải đền bù cho hộ ông Ph giá trị của bức tường rào và một cây dừa. Như vậy, tổng số tiền mà hộ bà Đ phải thanh toán cho hộ ông Ph là [(41,3m^2 x 4.000.000đ/m^2) x ½] + (1.500.000đ + 1.480.000đ) = 85.580.000đ.

[7] Đối với các công trình kiến trúc khác trên lối đi được mở hộ ông Ph xây dựng sau ngày xem xét tại chỗ và định giá (23/5/2019) thì hộ ông Ph phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời những phần mới xây dựng mà các nguyên đơn không phải bồi thường.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là ảnh hưởng đến quyền lợi của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1 và anh Trần Thanh Gi, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2019/DS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Áp dụng Điều 171 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi.

Buộc ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc S, anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị Thanh Th phải mở cho nguyên đơn lối đi có diện tích là 41,3m^2 (chiều rộng 2,0m, chiều dài một cạnh là 20,57m và một cạnh là 20,77m), chiều cao 3m Thộc một phần thửa 1505 tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại ấp BĐ, xã CS, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Văn Ph đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp cho hộ ông Ph). Cụ thể như sau:

Bắc giáp thửa 1505 của ông Nguyễn Văn Ph, chiều dài 20,77m;

Nam giáp thửa 2312 của ông Đặng Văn Hội, chiều dài 20,57m;

Đông giáp Quốc lộc 57, chiều dài 2m;

Tây giáp rạch, chiều dài 2m.

Có kết quả đo đạc địa chính thửa đất ngày 04/01/2013 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Mỏ Cày Nam kèm theo.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc S, anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Thanh T2 và chị Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ tháo dỡ, phá bỏ, di dời tường rào và 01 cây dừa (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019). Đồng thời, ông Ph, bà S, anh B, anh T2 và chị Th phải tự tháo dỡ, phá bỏ, di dời tất cả tài sản công trình kiến trúc phát sinh sau ngày xem xét tại chỗ và định giá (23/5/2019) mà bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1 và anh Trần Thanh Gi không phải bồi thường để mở lối đi theo diện tích nêu trên cho bà Đ, bà V, ông T1 và anh Gi.

3. Bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi có trách nhiệm liên đới đền bù cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc S, anh Nguyễn Thanh B, anh Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Thanh Th số tiền 85.580.000đ (Tám mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

4. Về chi phí tố tụng là 1.200.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Đ được miễn nộp án phí.

Bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi phải liên đới nộp số tiền 4.279.000đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai Th số 0018767

ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị V, ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi phải liên đới nộp số tiền còn thiếu là 3.979.000đ (Ba triệu chín trăm bảy mươi chín ngàn đồng).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Trần Văn T1, anh Trần Thanh Gi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006487 ngày 08/10/2019 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006488 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Phạm Kim Của** **Huỳnh Ngọc Dũng**